

GIẢI BÀI TẬP NGỮ VĂN 7

TỪ ĐỒNG ÂM

I. Thế nào là từ đồng âm?

Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì tới nhau.

Câu 1: Nghĩa của mỗi từ lồng:

- Lồng (1): Nói ngựa, trâu vung lên hoặc chạy xông xáo;
- Lồng (2): Đồ đan bằng tre, nứa hoặc vật liệu khác, dùng để nhốt chim, gà,...

Câu 2: Nghĩa của hai từ lồng trên không có liên hệ gì với nhau. Đây là hiện tượng đồng âm: là hiện tượng các từ giống hệt nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì đến nhau.

II. Sử dụng từ đồng âm

Câu 1: Chúng ta phân biệt được ý nghĩa của từ lồng ở hai câu trên là dựa vào mối quan hệ với các từ khác ở trong câu, nghĩa là dựa vào ngữ cảnh giao tiếp.

Câu 2: Câu "Đem cá về kho" nếu tách khỏi ngữ cảnh có thể hiểu thành 2 nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất: "Đem cá về kho" -> Đem cá về nấu thành thức ăn (món cá kho)
- Nghĩa thứ hai: "Đem cá về kho" -> Đem cá về cất trong nhà kho.

Thêm từ để câu trở thành đơn nghĩa:

- + Đem cá về kho tội nhé !
- + Đem cá về nhập kho ngay nhé !

Câu 3: Để tránh hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, chúng ta phải chú ý đến ngữ cảnh giao tiếp và tránh dùng nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.

III. Luyện tập

Câu 1:

- Thu:

- + Thu 1 : danh từ, mùa thu -> chỉ một mùa trong năm.

+ Thu 2 : động từ, thu tiền -> chỉ hành động.

- Cao :

+ Cao 1 : tính từ, trái nghĩa với thấp.

+ Cao 2 : danh từ, chỉ một loại thuốc Nam dùng để chữa bệnh (cao khi, cao trăn).



- Ba :

+ Ba 1 : số từ, ba lớp tranh.

+ Ba 2: danh từ, người sinh ra mình (ba mẹ).

- Tranh:

+ Tranh 1: danh từ, tấm lợp kín bằng cỏ (tấm tranh).

+ Tranh 2: động từ, bàn cãi để tìm ra lẽ phải (tranh cãi).

- Sang:

+ Sang 1: động từ, biểu thị hướng hoạt động nhằm một đối tượng khác (sang phương).

+ Sang 2: tính từ, làm cho người ta phải coi trọng (sang trọng).

- Nam:

+ Nam 1: chỉ phương hướng (miền Nam)

- + Nam 2: giới tính của con người (nam nhi)
- Súc:
 - + Súc 1: chỉ sức khỏe của con người (sức lực)
 - + Súc 2: danh từ: một loại văn bản do quan lại truyền xuống cho lí trưởng đốc thúc (tờ súc).
- Nhè:
 - + Nhè 1: động từ nhằm vào chỗ yếu, chỗ bất lợi của người khác
 - + Nhè 2: động từ bụm miệng lại dùng lưỡi để đẩy ra
- Tuốt:
 - + Tuốt 1: tính từ, thẳng một mạch đến tận nơi xa
 - + Tuốt 2: động từ, hành động lao động trong việc thu hoạch lúa (tuốt lúa)
- Môi:
 - + Môi 1: danh từ, chỉ bộ phận trên khuôn mặt (môi khô)
 - + Môi 2: tính từ, làm trung gian cho hai bên (môi giới)

Câu 2:

- Cổ:
 - + Bộ phận trong cơ thể nối đầu với thân;
 - + Bộ phận của áo, phần chung quanh cổ;
 - + Bộ phận của đồ vật hình dài và thon giống cái cổ;
 - + Cổ chân, cổ tay.

Nghĩa đầu là nghĩa gốc, làm cơ sở cho sự chuyển thành các nghĩa sau. Các nghĩa khác nhau đều có liên hệ với nhau qua nghĩa gốc này.

- Đồng âm với danh từ cổ:
 - + Bà nội rất thích xem chèo cổ. (cổ: xưa, cũ, lâu đời)
 - + Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y. (cổ: một căn bệnh ngày xưa cho là khó chữa)

Câu 3: Bắt buộc mỗi câu phải có cả 2 từ với 2 nghĩa khác nhau.

- + Họ đang bàn bạc về việc cắm trại ngày mai ở đây bàn cuối lớp học.

- + Trong năm nay sẽ có năm học sinh được đi du học.
- + Các loại sâu bọ thường ẩn mình sâu dưới các lớp lá dày.

Câu 4:

Anh chàng gian dối lấu cá trong câu chuyện đã sử dụng biện pháp từ đồng âm, để âm mưu không trả lại cái vạc cho người hàng xóm.

- + Vạc 1: Con vạc
 - + Vạc 2: Chiếc vạc
 - + Đồng 1: bằng kim loại
 - + Đồng 2: cánh đồng
- Muốn phân biệt phải trái ta chỉ cần hỏi:
- + Anh mượn vạc để làm gì? – Bởi vì vạc thì dùng để đựng đồ vật. Hoặc:
 - + Vạc làm bằng gì? – Vạc làm bằng kim loại đồng sẽ khác hoàn toàn với con vạc ở ngoài đồng.